

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán | 6 - 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 8 - 11 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2010 | 12 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2010 | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 | 15 - 39 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 04 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ tư ngày 05 tháng 01 năm 2011.

| <i>Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:</i> | | 250 tỷ VND |
|---|------------------------|-------------------|
| Cổ đông | Vốn góp (VND) | Tỷ lệ (%) |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | 53.360.000.000 | 21 |
| Ông Lê Hoàng Hà | 45.000.000.000 | 18 |
| Ông Lê Văn Ngà | 24.000.000.000 | 10 |
| Cổ đông khác | 127.640.000.000 | 51 |
| Cộng | 250.000.000.000 | 100 |

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : (04) 37 65 44 19
Fax : (04) 37 65 80 84
E-mail : sonhaco@netnam.vn
Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 6 4 4 5 - 1

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Lô III3A, đường 1, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử, đồ điện gia dụng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ;

- Sản xuất gỗ nội thất (bàn ghế, tủ, tủ bếp);
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm được chế tạo từ vật liệu Composite;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, thể thao văn hóa (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, sơn xây dựng dân dụng, công nghiệp, bột bả trong xây dựng dân dụng;
- Khai thác, sản xuất, mua bán, chế biến sản phẩm đá tự nhiên, đá dùng trong xây dựng;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm năng lượng mới như: năng lượng mặt trời; năng lượng gió;
- Sản xuất và mua bán ống thép các loại;
- Sản xuất và mua bán các loại thiết bị lọc nước;
- Luyện kim, đúc thép, cán kéo thép;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; Đại lý giao nhận và đại lý vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, vận hành và các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư, công trình dân dụng, công nghiệp; Các dịch vụ cho nhà ở và văn phòng làm việc;
- Khai thác và chế biến khoáng sản (trừ lại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp;
- Bán buôn phân bón;
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Dạy nghề cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, ngoại ngữ, tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty quyết định chuyển đổi Công ty con - công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà thành Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn theo đó toàn bộ lợi nhuận của Công ty con được chuyển về Công ty mẹ và lợi nhuận do việc đánh giá tăng tài sản cố định cũng được chia cho Công ty mẹ. Bởi vậy, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty tăng đột biến.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 39).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|--------------|
| Ông Lê Vĩnh Sơn | Chủ tịch |
| Ông Lê Hoàng Hà | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Công Tạn | Thành viên |
| Ông Lê Văn Ngà | Thành viên |
| Ông Lê Huy Côn | Thành viên |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Huy Thương | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Văn Thành | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Tâm | Thành viên |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|-------------------|----------------------|---------------------|
| Ông Lê Hoàng Hà | Tổng Giám đốc | 01 tháng 6 năm 2010 | |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | Tổng Giám đốc | 30 tháng 7 năm 2007 | 01 tháng 6 năm 2010 |
| Ông Đàm Quang Hùng | Phó Tổng Giám đốc | 30 tháng 10 năm 2007 | |
| Ông Nguyễn Văn Thuận | Phó Tổng Giám đốc | 30 tháng 10 năm 2007 | |
| Ông Nguyễn Thành Nhân | Phó Tổng Giám đốc | 18 tháng 6 năm 2008 | |
| Ông Đặng Minh Quang | Phó Tổng giám đốc | 01 tháng 6 năm 2010 | |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Hoàng Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 130/2011/BCTC-KTTV-KT4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2011, từ trang 08 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh V.24 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Năm 2010, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC

ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 4.811.480.609 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập như những năm trước.

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán viên

A blue ink signature of the auditor, written over a horizontal line.

Hoàng Thị Viêt

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 740,050,183,887 | 487,956,438,024 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 82,723,564,103 | 18,985,607,098 |
| 1. Tiền | 111 | | 42,723,564,103 | 18,985,607,098 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 40,000,000,000 | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 39,855,378,000 | 13,700,000,000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 40,189,858,000 | 13,700,000,000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | V.3 | (334,480,000) | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 323,786,688,652 | 299,595,599,716 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.4 | 285,681,491,114 | 287,218,080,958 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.5 | 25,122,835,406 | 3,845,715,241 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.6 | 12,982,362,132 | 8,531,803,517 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 218,645,092,187 | 145,819,035,675 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 218,645,092,187 | 145,819,035,675 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 75,039,460,945 | 9,856,195,535 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 2,058,329,447 | 1,416,471,946 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 16,175,431,801 | 1,564,024,274 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 123,146,142 | 592,071 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.9 | 56,682,553,555 | 6,875,107,244 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 283,174,090,197 | 234,909,705,857 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 205,376,217,125 | 202,571,381,091 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 183,122,967,407 | 169,828,616,037 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 250,532,167,715 | 216,544,383,294 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (67,409,200,308) | (46,715,767,257) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.11 | 5,332,850,947 | 13,893,353,519 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 6,293,514,270 | 19,745,375,572 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (960,663,323) | (5,852,022,053) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 16,920,398,771 | 17,441,218,019 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 18,819,898,183 | 18,584,977,433 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (1,899,499,412) | (1,143,759,414) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | - | 1,408,193,516 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 71,820,000,000 | 28,030,200,000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.14 | 40,800,000,000 | 9,000,000,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.15 | 15,000,000,000 | 7,500,000,000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.16 | 16,020,000,000 | 11,530,200,000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5,977,873,072 | 4,308,124,766 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.17 | 5,832,873,072 | 4,163,124,766 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 145,000,000 | 145,000,000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1,023,224,274,084 | 722,866,143,881 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 630,511,230,166 | 529,123,998,172 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 490,475,203,614 | 455,439,747,942 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.18 | 376,254,786,815 | 398,950,953,489 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.19 | 79,987,869,226 | 41,240,540,724 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 176,049,110 | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.20 | 8,158,736,945 | 12,397,770,581 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 4,448,198,948 | 2,088,363,717 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.21 | 9,020,304,840 | - |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.22 | 12,040,748,803 | 732,859,191 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.23 | 388,508,927 | 29,260,240 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 140,036,026,552 | 73,684,250,230 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.24 | 1,123,825,000 | 1,183,825,000 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.25 | 138,649,797,840 | 72,240,846,528 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 262,403,712 | 259,578,702 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 392,713,043,918 | 193,742,145,709 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.26 | 392,713,043,918 | 193,742,145,709 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 250,000,000,000 | 150,000,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 69,047,988,652 | 6,338,500,000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (2,446,724,000) | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | 4,811,480,609 | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1,425,236,659 | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 712,618,330 | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 69,162,443,668 | 37,403,645,709 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1,023,224,274,084 | 722,866,143,881 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1,378,448,371,452 | 1,068,351,810,262 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1,378,448,371,452 | 1,068,351,810,262 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1,171,662,448,114 | 922,997,480,244 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 206,785,923,338 | 145,354,330,018 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 60,641,190,196 | 8,337,260,127 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 92,519,095,568 | 68,201,232,419 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 62,897,230,212 | 33,807,269,430 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 58,074,691,150 | 25,912,429,325 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 22,420,754,840 | 24,965,896,330 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 94,412,571,976 | 34,612,032,071 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 7,524,310,090 | 3,297,886,067 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 5,567,155,142 | 3,747,033,635 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1,957,154,948 | (449,147,568) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 96,369,726,924 | 34,162,884,503 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.20 | 17,179,501,665 | 7,522,086,997 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | 1,244,117,826 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>79,190,225,259</u> | <u>25,396,679,680</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | - | - |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 28 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 96,369,726,924 | 34,162,884,503 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 24,527,000,349 | 19,591,169,712 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 334,480,000 | 143,919,952 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 446,845,307 | 1,280,087,607 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (55,004,178,680) | (6,276,729,342) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 62,897,230,212 | 33,807,269,430 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 129,571,104,112 | 82,708,601,862 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (108,135,563,102) | (145,728,250,167) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (72,826,056,512) | (1,537,439,453) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 47,965,161,351 | (113,209,144,837) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (2,311,605,807) | 91,602,622 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (53,876,925,372) | (33,807,269,430) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (17,411,843,574) | (7,796,606,253) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 68,262,376 | 192,412,146 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (4,888,766,806) | (972,791,981) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (81,846,233,334) | (220,058,885,491) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (30,297,601,756) | (33,860,391,779) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 4,844,362,354 | 2,145,634,495 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (9,700,000,000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 13,700,000,000 | 10,136,000,000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (52,500,800,000) | (723,635,742) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 46,604,000,000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 8,762,808,738 | 6,187,867,716 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (18,587,230,664) | (16,114,525,310) |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | 162,709,488,652 | 36,338,500,000 |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | (2,446,724,000) | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 1,139,832,242,898 | 839,006,167,565 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (1,088,111,426,375) | (650,270,178,686) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | (2,721,000,000) | (6,315,766,200) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (45,000,000,000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 164,262,581,175 | 218,758,722,679 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 63,829,117,177 | (17,414,688,122) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 18,985,607,098 | 36,400,295,220 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (91,160,172) | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 82,723,564,103 | 18,985,607,098 |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 28 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
 3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ**: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.
4. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 722 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 592 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty quyết định chuyển đổi Công ty con – công ty TNHH một thành viên Sơn Hà thành Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn theo đó toàn bộ lợi nhuận của Công ty con được chuyển về Công ty mẹ và lợi nhuận do việc đánh giá tăng tài sản cố định cũng được chia cho Công ty mẹ. Bởi vậy, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty tăng đột biến.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 42 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 07 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 48 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

31/12/2010 : 18.932 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 363.049.016 | 7.699.887.782 |
| Tiền gửi ngân hàng | 42.360.515.087 | 11.285.719.316 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) | 40.000.000.000 | |
| Cộng | <u>82.723.564.103</u> | <u>18.985.607.098</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|--------------------|------------------------------|-------------------|------------------------------|
| | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> |
| Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn | | 30.489.858.000 | | |
| <i>DZM</i> | <i>70.300</i> | <i>1.736.410.000</i> | | |
| <i>HSG</i> | <i>119.150</i> | <i>2.359.170.000</i> | | |
| <i>HUT</i> | <i>90.000</i> | <i>1.800.000.000</i> | | |
| <i>KDC</i> | <i>20.400</i> | <i>1.030.200.000</i> | | |
| <i>OGC</i> | <i>20.000</i> | <i>490.000.000</i> | | |
| <i>PET</i> | <i>217.290</i> | <i>3.954.678.000</i> | | |
| <i>PVX</i> | <i>612.000</i> | <i>12.866.400.000</i> | | |
| <i>TBC</i> | <i>130.000</i> | <i>1.768.000.000</i> | | |
| <i>VND</i> | <i>230.000</i> | <i>4.485.000.000</i> | | |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | 9.700.000.000 | | 13.700.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Minh Ngọc</i> <i>(cho vay 12 tháng lãi suất 17%)</i> | | <i>6.700.000.000</i> | | |
| <i>Công ty Cổ phần Năng lượng</i> <i>Sơn Hà (cho vay 12 tháng lãi</i> <i>suất 17%)</i> | | <i>3.000.000.000</i> | | <i>13.700.000.000</i> |
| Cộng | | <u>40.189.858.000</u> | | <u>13.700.000.000</u> |

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

| | |
|----------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 334.480.000 |
| Hoàn nhập dự phòng | |
| Số cuối năm | <u>334.480.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Các khách hàng là các Công ty, Doanh nghiệp | 208.494.721.701 | 160.154.976.283 |
| Các khách hàng là các đại lý, cá nhân khác | 70.230.862.028 | 127.063.104.675 |
| Các khách hàng nước ngoài | 6.955.907.385 | |
| Cộng | <u>285.681.491.114</u> | <u>287.218.080.958</u> |

5. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Trả trước cho người bán trong nước | 8.412.893.712 | 2.156.203.007 |
| Trả trước cho người bán nước ngoài | 16.709.941.694 | 1.689.512.234 |
| Cộng | <u>25.122.835.406</u> | <u>3.845.715.241</u> |

6. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Phải thu công ty con về cổ tức và lợi nhuận được chia | 10.451.139.072 | |
| Phải thu các khoản cho vay không tính lãi | | 4.084.034.821 |
| Công ty Cổ phần Hợp Phú - Phần còn lại của hợp đồng đầu tư đã thanh lý | 2.000.000.000 | |
| Phải thu lãi tiền vay | 100.913.889 | 4.082.280.000 |
| Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính | 109.498.333 | 162.401.233 |
| Các khoản phải thu khác | 320.810.838 | 203.087.463 |
| Cộng | <u>12.982.362.132</u> | <u>8.531.803.517</u> |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | 38.105.924.625 | 10.807.960.299 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 101.036.309.248 | 100.885.786.429 |
| Công cụ, dụng cụ | 6.082.680.731 | 1.136.186.203 |
| Thành phẩm | 71.435.224.027 | 31.294.278.576 |
| Hàng hóa | 1.984.953.556 | 1.694.824.168 |
| Cộng | <u>218.645.092.187</u> | <u>145.819.035.675</u> |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 215.213.440 | 65.380.947 |
| Chi phí lắp biển quảng cáo | 451.921.660 | 776.983.889 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.087.744.145 | 528.603.361 |
| Chi phí khác | 303.450.202 | 45.503.749 |
| Cộng | <u>2.058.329.447</u> | <u>1.416.471.946</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng | 47.285.992.629 | 2.095.565.100 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 9.396.560.926 | 4.779.542.144 |
| Cộng | <u>56.682.553.555</u> | <u>6.875.107.244</u> |

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------------------|--------------------------------|--|--|-------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 64.690.612.609 | 129.805.390.315 | 17.118.100.126 | 4.930.280.244 | 216.544.383.294 |
| Tăng do Mua sắm mới | 1.454.761.169 | 12.749.394.646 | 15.483.028.447 | 328.929.091 | 30.016.113.353 |
| Tăng do Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | | 1.454.761.169 | | | 1.454.761.169 |
| Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính | | 11.827.961.828 | 1.623.899.474 | | 13.451.861.302 |
| Giảm do thanh lý, nhượng bán | (970.316.565) | (6.897.629.494) | (3.067.005.344) | | (10.934.951.403) |
| Số cuối năm | <u>65.175.057.213</u> | <u>148.939.878.464</u> | <u>31.158.022.703</u> | <u>5.259.209.335</u> | <u>250.532.167.715</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | 8.958.811.259 | 312.836.194 | 185.820.221 | 9.457.467.674 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 4.803.112.617 | 36.726.675.830 | 4.349.207.634 | 836.771.176 | 46.715.767.257 |
| Tăng do khấu hao trong năm | 1.970.196.766 | 17.124.787.336 | 2.428.120.067 | 742.875.813 | 22.265.979.982 |
| Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính | | 5.700.824.665 | 695.814.434 | | 6.396.639.099 |
| Thanh lý, nhuộm bán | (964.166.508) | (5.343.259.522) | (1.661.760.000) | | (7.969.186.030) |
| Số cuối năm | <u>5.809.142.875</u> | <u>54.209.028.309</u> | <u>5.811.382.135</u> | <u>1.579.646.989</u> | <u>67.409.200.308</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 59.887.499.992 | 93.078.714.485 | 12.768.892.492 | 4.093.509.068 | 169.828.616.037 |
| Số cuối năm | <u>59.365.914.338</u> | <u>94.730.850.155</u> | <u>25.346.640.568</u> | <u>3.679.562.346</u> | <u>183.122.967.407</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 12.254.371.178 VND và 9.145.756.948 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|-----------------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 18.207.145.618 | 1.538.229.954 | 19.745.375.572 |
| Tăng trong năm | (85.669.520) | 85.669.520 | |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính | (11.827.961.828) | (1.623.899.474) | (13.451.861.302) |
| Số cuối năm | 6.293.514.270 | | 6.293.514.270 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 5.335.035.816 | 516.986.237 | 5.852.022.053 |
| Tăng trong năm | | | |
| Khấu hao trong năm | 1.407.846.393 | 97.433.976 | 1.505.280.369 |
| Phân loại lại trong năm | (81.394.221) | 81.394.221 | |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính | (5.700.824.665) | (695.814.434) | (6.396.639.099) |
| Số cuối năm | 960.663.323 | | 960.663.323 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 12.872.109.802 | 1.021.243.717 | 13.893.353.519 |
| Số cuối năm | 5.332.850.947 | | 5.332.850.947 |

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 16.702.915.670 | 1.882.061.763 | 18.584.977.433 |
| Tăng trong năm | | 234.920.750 | 234.920.750 |
| Giảm trong năm | | | |
| Số cuối năm | 16.702.915.670 | 2.116.982.513 | 18.819.898.183 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 816.477.821 | 327.281.593 | 1.143.759.414 |
| Khấu hao trong năm | 363.291.816 | 392.448.182 | 755.739.998 |
| Giảm trong năm | | | |
| Số cuối năm | 1.179.769.637 | 719.729.775 | 1.899.499.412 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 15.886.437.849 | 1.554.780.170 | 17.441.218.019 |
| Số cuối năm | 15.523.146.033 | 1.397.252.738 | 16.920.398.771 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|--|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------|-------------|
| Khu công nghiệp và đô thị An Dương | 238.095.238 | | | 238.095.238 | |
| Phần mềm EFFECT | 106.265.750 | 128.655.000 | 234.920.750 | | |
| Sân đường, bồn hoa xưởng Diễn | 106.893.714 | 181.689.167 | 288.582.881 | | |
| Các công trình phụ trợ xưởng Phùng | 109.376.661 | 207.038.811 | | 316.415.472 | |
| Khung sàn, bán mái xưởng Diễn (Nhà điều hành xưởng Diễn) | 847.562.153 | 318.616.135 | 1.166.178.288 | | |
| Cộng | 1.408.193.516 | 835.999.113 | 1.689.681.919 | 554.510.710 | |

14. Đầu tư vào công ty con

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|----------------|------------|---------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Sơn Hà) | 4.080.000 | 40.800.000.000 | | 9.000.000.000 |

Trong năm 2010, cho đến thời điểm chuyển đổi, Công ty đã góp vào Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Sơn Hà số vốn là 39 tỷ VND. Thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc bán bớt 49% vốn tại Công ty con cho các Cổ đông khác, Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp trị giá là 19.110.000.000 VND (49% x 39 tỷ) với giá chuyển nhượng là 24.843.000.000 VND, lãi chuyển nhượng 5.733.000.000 VND.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, số vốn đầu tư của Công ty tại Công ty con sau khi đánh giá lại tài sản là 40,8 tỷ VND (vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND), chiếm 51% Vốn điều lệ của Công ty con.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty Cổ phần Minh Tân ⁽ⁱ⁾ | | | 750.000 | 7.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱⁱ⁾ | 5.000.000 | 15.000.000.000 | | |
| Cộng | | 15.000.000.000 | | 7.500.000.000 |

⁽ⁱ⁾ Trong năm, Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu đầu tư vào Công ty Minh Tân với giá bán 18.750.000.000 VND, lãi 11.250.000.000 VND.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2010 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50% (xem thêm thuyết minh V.22)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Đầu tư dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------|-----------------------|----------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Đầu tư trái phiếu | | | | 11.000.000 |
| Đầu tư vào đơn vị khác | | 16.020.000.000 | | 11.519.200.000 |
| <i>Đầu tư xây dựng khu đô thị Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội</i> | | | | <i>1.500.000.000</i> |
| <i>Đầu tư dự án Paradise Garden^(a)</i> | | <i>5.000.000.000</i> | | <i>8.000.000.000</i> |
| <i>Công ty Bất động sản Havico</i> | | <i>2.710.000.000</i> | | |
| <i>Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà^(b)</i> | <i>231.000</i> | <i>2.310.000.000</i> | <i>201.920</i> | <i>2.019.200.000</i> |
| <i>Ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long^(c)</i> | | <i>6.000.000.000</i> | | |
| Cộng | | 16.020.000.000 | | 11.530.200.000 |

(a) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTXD&KD về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án: Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt Paradise Garden giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phúc và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ. Đến 31/12/2010, Sơn Hà đã góp 5 tỷ, số còn phải góp là 7,5 tỷ VND.

(b) Trong năm Công ty đã mua thêm cổ phiếu của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 231.000 cổ phiếu, tương đương 11,55% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà.

(c) Theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2010/HĐUT/LVS-SONHA ngày 6/11/2010, Công ty Sơn Hà ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn mua 25% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long với giá 7,5 tỷ VND. Đến 31/12/2010 Công ty đã chuyển tiền 6 tỷ VND. Số còn phải chuyển 1,5 tỷ. Mọi quyền lợi phát sinh từ số cổ phiếu ủy thác đầu tư đều thuộc về bên ủy thác (Sơn Hà). Bên nhận ủy thác chỉ có trách nhiệm thay mặt bên ủy thác để góp vốn điều lệ.

Ngày 4 tháng 1 năm 2011, Hội đồng quản trị công ty Sơn Hà đã thông qua phương án ủy thác đầu tư mua vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long như sau: Ủy thác cho Ông Lê Vĩnh Sơn 25%, ông Lê Hoàng Hà 20%. Tổng số vốn điều lệ ủy thác mua bằng 45% vốn điều lệ của Thăng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|----------------------|------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng | 1.035.752.621 | 388.676.859 | 638.939.415 | 785.490.065 |
| Công cụ dụng cụ | 1.802.690.848 | 1.418.807.542 | 1.543.338.272 | 1.678.160.118 |
| Chi phí marketing và nghiên cứu thị trường | 316.794.033 | - | 266.744.910 | 50.049.123 |
| Phí bảo hiểm tài sản | 233.554.533 | 33.831.276 | 99.937.940 | 167.447.869 |
| Chi phí xây dựng các showroom | 210.920.309 | - | 150.939.839 | 59.980.470 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 514.719.167 | 778.212.259 | 363.201.935 | 929.729.491 |
| Bảo lãnh phát hành trái phiếu | | 2.550.000.000 | 420.519.724 | 2.129.480.276 |
| Các chi phí khác | 48.693.255 | 34.100.000 | 50.257.595 | 32.535.660 |
| Cộng | 4.163.124.766 | 5.203.627.936 | 3.533.879.630 | 5.832.873.072 |

18. Vay và nợ ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | 338.327.738.021 | 363.369.350.901 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 | | 21.116.848.746 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 88.195.321.954 | 89.827.419.440 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | | 46.847.639.750 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 37.361.196.372 | 42.173.338.752 |
| Ngân hàng TMCP Hàng hải | 130.326.339.430 | 163.404.104.213 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân | 39.612.350.385 | |
| Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Chương Dương | 42.832.529.880 | |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | 37.927.048.794 | 35.581.602.588 |
| Cộng | 376.254.786.815 | 398.950.953.489 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

| | <u>Vay ngắn hạn</u> | <u>Vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 363.369.350.901 | 35.581.602.588 | 398.950.953.489 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 1.026.120.449.198 | | 1.026.120.449.198 |
| Số kết chuyển | | 37.927.048.794 | 37.927.048.794 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (1.045.428.184.886) | (35.581.602.588) | (1.081.009.787.474) |
| Giảm do đánh giá chênh lệch tỷ giá | (5.733.877.192) | | (5.733.877.192) |
| Số cuối năm | 338.327.738.021 | 37.927.048.794 | 376.254.786.815 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả người bán trong nước | 79.476.266.004 | 40.231.118.877 |
| Phải trả người bán nước ngoài | 511.603.222 | 1.009.421.847 |
| Cộng | <u>79.987.869.226</u> | <u>41.240.540.724</u> |

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 5.790.816.473 | 5.790.002.070 | 11.542.246.935 | 38.571.608 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 1.564.024.274 | 74.354.209.011 | 73.271.538.817 | 2.646.694.468 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 24.172.712 | 594.982.847 | 597.628.930 | 21.526.629 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.016.119.650 | 17.179.501.665 | 17.411.843.574 | 4.783.777.741 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.045.400 | 1.061.442.609 | 1.053.143.494 | 10.344.515 |
| Tiền thuê đất | | 129.807.642 | | 129.807.642 |
| Các loại thuế khác | | 488.121.962 | 83.253.762 | 404.868.200 |
| Cộng | <u>12.397.178.509</u> | <u>99.598.067.806</u> | <u>103.959.655.512</u> | <u>8.035.590.803</u> |

Trong đó:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 12.397.770.581 | 8.158.736.945 |
| Thuế và các khoản phải thu nhà nước | (592.071) | (123.146.142) |
| Cộng | <u>12.397.178.510</u> | <u>8.035.590.803</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

| | |
|---------------------|-----|
| Hàng hóa xuất khẩu | 0% |
| Hàng hóa trong nước | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 96.369.726.924 | 34.162.884.503 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (28.569.752.061) | (4.460.090.124) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.928.048.427 | 516.381.181 |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ | 2.912.390.048 | 379.719.765 |
| + Lỗ của chi nhánh | 15.658.379 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| + Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | | 136.661.416 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (31.497.800.488) | (4.976.471.305) |
| + Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước | (136.661.416) | (4.976.471.305) |
| + Cổ tức, lợi nhuận được chia | (31.361.139.072) | |
| Thu nhập tính thuế | 67.799.974.863 | 29.702.794.379 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | 16.949.993.716 | 7.425.698.595 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước | 229.507.949 | 96.388.402 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 17.179.501.665 | 7.522.086.997 |

Tiền thuế đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 16.100 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 2.635 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay phải trả.

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|--------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 38.783.134 | 449.598.610 |
| Kinh phí công đoàn | 761.875.063 | 281.954.947 |
| Nhận góp vốn đầu tư vào công ty Kiến Hưng | 8.250.000.000 | |
| Nhận góp vốn đầu tư vào dự án Paradise | 800.000.000 | |
| Tiền phạt vi phạm pháp luật thuế | 1.741.503.573 | |
| Phải trả khác | 448.587.033 | 1.305.634 |
| Cộng | 12.040.748.803 | 732.859.191 |

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | |
|--------------------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 29.260.240 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 293.572.311 |
| Tăng khác | 68.262.376 |
| Chi quỹ | (2.586.000) |
| Số cuối năm | 388.508.927 |

24. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

25. Vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|-----------------------|
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i> | 36.773.573.026 | 66.419.621.714 |
| Ngân hàng Công thương Chương Dương ^(a) | 7.379.043.648 | 20.014.964.965 |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải ^(b) | 10.581.681.180 | 23.563.353.180 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 ^(c) | 3.481.918.712 | 5.881.918.712 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(d) | 6.139.195.302 | 10.207.056.274 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.Hồ Chí Minh ^(e) | 1.709.843.580 | 6.752.328.583 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch ^(f) | 7.481.890.604 | |
| <i>Nợ dài hạn</i> | 1.876.224.814 | 5.821.224.814 |
| Công ty cho thuê tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam | 1.876.224.814 | 5.821.224.814 |
| <i>Trái phiếu</i> | 100.000.000.000 | |
| Trái phiếu Công ty thời hạn 2 năm – Lãi suất 16%/năm ^(g) | 50.000.000.000 | |
| Trái phiếu Công ty thời hạn 3 năm – Lãi suất 16,25%/năm ^(h) | 50.000.000.000 | |
| Cộng | 138.649.797.840 | 72.240.846.528 |
| <i>Trong đó:</i> | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Vay bằng đồng Việt Nam | 34.025.366.042 | 56.473.871.919 |
| Vay bằng đô la Mỹ quy ra VND | 2.748.206.984 | 9.945.749.796 |
| <i>Tương đương nguyên tệ (USD)</i> | <i>145.162,00</i> | <i>554.358,72</i> |
| Nợ dài hạn | 1.876.224.814 | 5.821.224.814 |
| Trái phiếu công ty | 100.000.000.000 | |
| Cộng | 138.649.797.840 | 72.240.846.528 |

(a) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Công thương Chương Dương để thanh toán tiền chuyển nhượng hạ tầng, thanh toán chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và vật kiến trúc gắn liền với đất theo dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất inox" của Công ty tại cụm công nghiệp Phùng theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐT/NHCTKVCD_SONHA ngày 25/08/2006 trong thời hạn 65 tháng với lãi suất 1,05%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam theo 2 hợp đồng vay số 75/09/LB ngày 19/11/2009 và hợp đồng vay số 75/09/LB ngày 19/11/2009, tổng giá trị vay là 42,2 tỷ để hoàn vốn đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty với lãi suất 12% năm. Khoản vay sẽ đáo hạn trong năm 2012 và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng sản xuất tại Diễn, máy móc thiết bị, ô tô phục vụ sản xuất tại khu công nghiệp Phùng và cụm công nghiệp Từ Liêm giá trị 15,5 tỷ.

(c) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 147831/HĐTDTTH ngày 20 tháng 5 năm 2009, tổng số tiền vay là 9,6 tỷ, thời hạn vay 56 tháng với

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + 3,5%/năm, mục đích để thanh toán tiền mua MMTB thuộc dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phùng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị nhập khẩu và mua trong nước trị giá 12,93 tỷ VND.
- (d) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng 6028/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 16/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTD/SME-DN/TCB-HKM ngày 14/12/2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán LC nhập máy móc thiết bị theo hợp đồng tín dụng số 042/07 ngày 28/9/2007 trong thời gian 54 tháng với lãi suất 1,05%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị mua về.
- (f) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo 2 hợp đồng tín dụng 01/HĐTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.
- (g) Trái phiếu công ty phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân với tư cách là đại lý quản lý các tài khoản để Đầu tư sản xuất thép không gỉ cán nguội và ống thép Inox công nghiệp tại Cụm công nghiệp Phùng, thời hạn 02 năm đáo hạn ngày 09 tháng 08 năm 2012. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16% và năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của Vietinbank cộng biên độ 5%. Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn. Trái phiếu này được đảm bảo bằng quyền sở hữu 3.600.000 cổ phần Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà thuộc sở hữu của các cổ đông.
- (h) Trái phiếu công ty không có bảo đảm phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình với tư cách là đại lý Đăng ký lưu ký, thời hạn 03 năm đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2013. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16,25% và 02 năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Argibank cộng biên độ 4,5%. Lãi trả hàng năm, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|------------------------|-----------------------|
| Trên 1 năm đến 5 năm | 138.649.797.840 | 72.240.846.528 |
| Trên 5 năm | | |
| Tổng nợ | 138.649.797.840 | 72.240.846.528 |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

| | Vay dài hạn ngân hàng | Thuê tài chính | Trái phiếu không có bảo đảm | Cộng |
|------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 66.419.621.714 | 5.821.224.814 | | 72.240.846.528 |
| Số tiền vay phát sinh | 13.711.793.700 | | 100.000.000.000 | 113.711.793.700 |
| Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá | 446.845.307 | | | 446.845.307 |
| Số tiền vay đã trả | (7.101.638.901) | (2.721.000.000) | | (9.822.638.901) |
| Số kết chuyển | (36.703.048.794) | (1.224.000.000) | | (37.927.048.794) |
| Số cuối năm | 36.773.573.027 | 1.876.224.814 | 100.000.000.000 | 138.649.797.840 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 120.000.000.000 | | | | | | 12.006.966.029 | 132.006.966.029 |
| Cổ đông góp vốn bằng tiền | 30.000.000.000 | 6.338.500.000 | | | | | - | 36.338.500.000 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | | | | 25.396.679.680 | 25.396.679.680 |
| Số dư cuối năm trước | 150.000.000.000 | 6.338.500.000 | | | | | 37.403.645.709 | 193.742.145.709 |
| Số dư đầu năm nay | 150.000.000.000 | 6.338.500.000 | | | | | 37.403.645.709 | 193.742.145.709 |
| Cổ đông góp vốn bằng tiền | 100.000.000.000 | 63.439.272.500 | | | | | | 163.439.272.500 |
| Mua cổ phiếu quỹ | | | (2.446.724.000) | | | | | (2.446.724.000) |
| Lợi nhuận trong năm nay | | | | | | | 79.190.225.259 | 79.190.225.259 |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | | | | | 1.425.236.659 | 712.618.330 | (2.431.427.300) | (293.572.311) |
| Chia cổ tức trong năm nay | | | | | | | (45.000.000.000) | (45.000.000.000) |
| Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ | | | | 4.811.480.609 | | | | 4.811.480.609 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu tăng vốn | | (729.783.848) | | | | | | (729.783.848) |
| Số dư cuối năm nay | 250.000.000.000 | 69.047.988.652 | (2.446.724.000) | 4.811.480.609 | 1.425.236.659 | 712.618.330 | 69.162.443.668 | 392.713.043.918 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn đầu tư | 250.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | 53.360.000.000 | 52.800.000.000 |
| Ông Lê Hoàng Hà | 45.000.000.000 | 43.200.000.000 |
| Ông Lê Văn Ngà | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| Cổ đông khác | 127.640.000.000 | 30.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 69.047.988.652 | |
| Cổ phiếu quỹ | (2.446.724.000) | |
| Cộng | <u>316.601.264.652</u> | <u>150.000.000.000</u> |

Cổ tức

| | |
|------------------------|------------------------------|
| Cổ tức năm trước | 22.500.000.000 |
| Tạm ứng cổ tức năm nay | 22.500.000.000 |
| Cộng | <u>45.000.000.000</u> |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 25.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 25.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 25.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | 126.710 | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 24.873.290 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 24.873.290 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 125.178.221.725 | 465.209.559.086 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.246.977.131.302 | 602.461.306.430 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 6.293.018.425 | 680.944.746 |
| Cộng | <u>1.378.448.371.452</u> | <u>1.068.351.810.262</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 89.489.050.119 | 430.698.052.099 |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 1.080.828.806.664 | 492.299.428.145 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 1.344.591.331 | |
| Cộng | <u>1.171.662.448.114</u> | <u>922.997.480.244</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 4.680.528.738 | 6.971.242.383 |
| Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu | 100.913.889 | 22.372.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 31.361.139.072 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 7.515.608.497 | 1.343.645.744 |
| Lãi chuyển nhượng công ty con | 5.733.000.000 | |
| Lãi chuyển nhượng công ty liên kết | 11.250.000.000 | |
| Cộng | <u>60.641.190.196</u> | <u>8.337.260.127</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 62.897.230.212 | 33.807.269.430 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 26.291.267.219 | 32.845.519.693 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 446.845.307 | 1.280.087.607 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | 334.480.000 | |
| Chi phí tài chính | 2.549.272.830 | 268.355.689 |
| Cộng | <u>92.519.095.568</u> | <u>68.201.232.419</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 9.316.808.435 | 5.870.408.515 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 7.210.173.305 | 21.394.010 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 505.917.162 | 70.030.341 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.619.350.827 | 1.040.301.461 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 29.439.027.439 | 13.005.499.687 |
| Chi phí bằng tiền khác | 9.983.413.982 | 5.904.795.311 |
| Cộng | <u>58.074.691.150</u> | <u>25.912.429.325</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 5.055.124.988 | 3.565.341.384 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.089.522.649 | 1.144.380.207 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 12.741.666 | 975.606.657 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 3.893.811.616 | 2.199.417.797 |
| Thuế, phí và lệ phí | 60.288.353 | 263.116.370 |
| Chi phí dự phòng | | 143.919.952 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.212.719.049 | 12.081.935.097 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.096.546.519 | 4.592.178.866 |
| Cộng | <u>22.420.754.840</u> | <u>24.965.896.330</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 4.844.362.354 | 2.145.634.495 |
| Thanh lý công cụ dụng cụ | 125.122.462 | 197.692.553 |
| Bồi thường do hàng kém phẩm chất | 2.469.894.239 | 477.083.375 |
| Thu nhập khác | 84.931.035 | 477.475.644 |
| Cộng | <u>7.524.310.090</u> | <u>3.297.886.067</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý | 2.965.765.373 | 2.862.519.536 |
| Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ | 43.384.000 | 223.242.590 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 2.341.024.208 | |
| Chi phí khác | 216.981.561 | 661.271.509 |
| Cộng | <u>5.567.155.142</u> | <u>3.747.033.635</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã góp 20.910.000.000 VND vốn điều lệ vào Công ty con – Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bằng chính nguồn lợi nhuận được công ty con phân phối.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-----------------|------------------|
| Hội đồng quản trị | | |
| Trả tiền vay | | 103.860.396 |
| Tạm ứng | 116.756.216.529 | 118.695.000 |
| Thanh toán tạm ứng | 116.608.343.000 | 4.087.147.900 |
| Ủy thác đầu tư cho ông Lê Vĩnh Sơn | 6.000.000.000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|----------------------|------------------|
| Ban điều hành | | |
| Cho vay (không tính lãi) | | 954.000.000 |
| Trả tiền vay | | 113.921.166 |
| Tạm ứng đầu tư bất động sản | 46.479.400.000 | 170.805.000 |
| Thanh toán tạm ứng | | 97.845.000 |
| Bán khoản đầu tư cho ông Lê Hoàng Hà | | |
| <i>Giá trị khoản vốn góp</i> | <i>1.950.000.000</i> | |
| <i>Lãi bán vốn</i> | <i>585.000.000</i> | |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|-----------------------|--------------------|
| Hội đồng quản trị | 160.462.629 | |
| Ban điều hành | 46.552.360.000 | 954.000.000 |
| Cộng nợ phải thu | 46.712.822.629 | 954.000.000 |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> |
|------------|----------------|
| Tiền lương | 664.007.000 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--------------------|
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà | Bên liên quan khác |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng | Công ty liên kết |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | | |
| Bán hàng hóa | 15.446.098.731 | 70.840.538.928 |
| Bán thành phẩm | 190.646.471.920 | 59.103.269.671 |
| Gia công hàng hóa cho Sơn Hà Sài Gòn | 1.946.445.943 | |
| Cho thuê tài sản | 414.185.881 | 311.459.508 |
| Thanh lý tài sản cố định | 3.866.180.538 | 1.453.287.495 |
| Mua tài sản cố định của Sơn Hà Sài Gòn | 1.468.181.818 | |
| Thuê tài sản Sơn Hà Sài Gòn | 64.203.065 | |
| Mua vật tư | 8.770.163.728 | 7.901.552.212 |
| Chuyển tiền tăng vốn Sơn Hà Sài Gòn | 30.000.000.000 | 9.000.000.000 |
| Tăng vốn đầu tư bằng nguồn lợi nhuận của Sơn Hà Sài Gòn | 20.910.000.000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà | | |
| Cho vay | 3.000.000.000 | 771.200.000 |
| Thu tiền cho vay | 13.700.000.000 | |
| Thu lãi cho vay | 1.294.513.768 | |
| Bán hàng hóa | 65.737.093.409 | 7.882.132.446 |
| Mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 69.034.415.361 | 15.515.864.566 |
| Cho thuê tài sản | 36.093.532 | |
| Chuyển tiền góp vốn | 290.800.000 | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng | | |
| Góp vốn cổ phần | 13.500.000.000 | |
| Trả trước tiền mua đất | 4.500.000.000 | |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | | |
| Phải thu khách hàng | 51.541.222.141 | 41.913.240.738 |
| Phải thu khác | | 1.900.000.000 |
| Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia | 10.451.139.072 | |
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà | | |
| Tiền bán hàng | 25.283.114.913 | 238.566.662 |
| Cho vay ngắn hạn | 3.000.000.000 | 13.700.000.000 |
| Cộng nợ phải thu | 87.614.703.275 | 57.751.807.401 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng (Trả trước tiền đất) | | |
| | 4.500.000.000 | |

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Hàng công nghiệp | Hàng gia dụng | Lĩnh vực khác | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|----------------------|--------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 916.821.006.625 | 455.334.346.402 | 6.293.018.425 | 1.378.448.371.452 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 916.821.006.625 | 455.334.346.402 | 6.293.018.425 | 1.378.448.371.452 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 61.253.177.146 | 82.509.627.948 | 4.948.427.094 | 148.711.232.188 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (22.420.754.840) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 126.290.477.348 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 60.641.190.196 |
| Chi phí tài chính | | | | (92.519.095.568) |
| Thu nhập khác | | | | 7.524.310.090 |
| Chi phí khác | | | | (5.567.155.142) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (17.179.501.665) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 79.190.225.259 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 25.527.356.668 | 9.927.305.371 | | 35.454.662.039 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 20.203.833.585 | 7.857.046.394 | | 28.060.879.979 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Hàng gia dụng | Hàng công nghiệp | Cộng |
|--|-----------------|------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 90.792.936.293 | 288.355.572.219 | 379.148.508.512 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 125.909.510.571 | 323.767.312.898 | 449.676.823.469 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 194.398.942.103 |
| Tổng tài sản | | | 1.023.224.274.084 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Hàng gia dụng | Hàng công nghiệp | Cộng |
|--|----------------|------------------|------------------------|
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | | | |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 29.844.175.388 | 76.742.165.283 | 106.586.340.671 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 523.924.889.495 |
| Tổng nợ phải trả | | | 630.511.230.166 |

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Lập, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Nguyễn Như Dung

Lê Hoàng Hà